



DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY (DANH SÁCH 2)

(Xét đợt Tháng 02/2023)

(Đính kèm Quyết định số 750 /QĐ-BVU ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐH Bà Rịa - Vũng Tàu)

STT	Mã Sinh Viên	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tiếng Anh 1A	Tiếng Anh 1B	Tiếng Anh 1C	Tiếng Anh 2A	Tiếng Anh 2B	Tiếng Anh 2C	Tiếng Anh 3A	Tiếng Anh 3B	Tiếng Anh 3C	Tiếng Anh 4A	Tiếng Anh 4B	Điểm Trung bình
Khoa Du lịch - Sức khỏe																		
1	19034674	Lã Thị Ngọc	Anh	Nữ	05/08/2001	DH19DL1	7.30	6.10	6.90	6.90	6.50	8.30	6.80	6.20	7.50	6.90	6.20	6.9
2	19034052	Lê Nguyễn Ánh	Dương	Nam	17/07/2001	DH19DL1	7.40	6.10	7.90	6.80	7.30	8.80	8.20	6.70	6.30	7.40	7.50	7.3
3	19034199	Hoàng Thị Thu	Hà	Nữ	07/11/2001	DH19DL1	8.80	6.70	7.00	7.20	7.30	8.60	5.60	6.10	8.20	6.90	7.10	7.2
4	19033702	Trương Ngọc	Khải	Nam	29/06/2001	DH19DL1	7.20	8.50	6.90	6.20	5.20	6.60	7.30	7.00	6.00	6.20	5.60	6.6
5	19034360	Phạm Đình Minh	Khánh	Nữ	01/09/2001	DH19DL1	8.50	5.50	7.80	8.20	8.30	7.00	6.50	7.80	8.90	7.50	8.00	7.6
6	19034675	Võ Thị	Lênh	Nữ	03/02/2001	DH19DL1	7.70	7.30	6.90	5.50	6.30	8.70	7.80	6.00	7.50	6.40	7.40	7.0
7	19033824	Trần Phước	Lộc	Nam	22/11/2001	DH19DL1	7.70	7.30	8.20	6.60	5.70	8.10	6.20	8.10	7.50	7.00	6.30	7.2
8	19033882	Huỳnh Thị Diễm	Mi	Nữ	27/05/2001	DH19DL1	8.90	6.70	6.70	8.20	7.40	9.10	8.10	6.70	8.10	7.90	7.50	7.8
9	19034142	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	31/01/2001	DH19DL1	9.50	8.80	6.60	7.60	6.90	7.90	8.20	7.60	7.60	7.30	8.20	7.8
10	19033685	Đinh Thị Kiều	Nhi	Nữ	19/07/2001	DH19DL1	7.80	7.00	7.40	7.00	6.30	8.80	6.70	7.30	8.10	7.10	6.20	7.2
11	19034359	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Nhi	Nữ	13/06/2001	DH19DL1	7.50	5.80	7.00	6.20	7.40	7.00	7.30	6.70	6.80	6.50	7.50	6.9
12	19034133	Nguyễn Thị Bích	Phương	Nữ	16/05/2000	DH19DL1	8.20	6.50	6.10	7.40	7.50	7.70	6.60	7.10	8.20	6.20	6.90	7.1
13	19034637	Phạm Thị Hương	Sen	Nữ	20/11/2001	DH19DL1	8.80	7.60	7.60	7.80	8.10	8.70	8.00	5.80	8.60	6.40	8.00	7.8
14	19034179	Lê Thị Ngọc	Tiền	Nữ	09/11/2001	DH19DL1	9.10	7.70	8.10	8.10	7.90	6.60	7.10	7.70	8.80	6.10	7.30	7.7
15	19034005	Lê Thị Mỹ	Trinh	Nữ	25/06/2001	DH19DL1	7.70	8.10	6.60	7.10	6.60	8.10	7.80	7.00	8.20	6.10	6.10	7.2
16	19034072	Vũ Anh	Tú	Nam	22/08/2000	DH19DL1	9.50	8.00	8.50	5.30	7.60	7.30	7.70	7.10	6.70	5.60	7.70	7.4
17	19034486	Nguyễn Dương	Vũ	Nam	19/08/2001	DH19DL1	9.50	7.50	8.90	8.20	8.50	6.90	7.60	7.00	7.20	7.00	7.10	7.8
18	19034479	Quách Thị Hoài Bảo	Khánh	Nữ	28/03/2001	DH19DQ	7.90	8.20	7.40	6.70	7.10	8.80	7.10	5.70	8.40	6.10	7.20	7.3
19	19034116	Ngô Thị Thanh	Sương	Nữ	08/04/2001	DH19DQ	7.70	6.90	7.60	6.40	6.80	7.90	6.50	6.80	8.80	7.80	7.90	7.4
20	19034091	Lâm Minh	Trí	Nam	12/12/2001	DH19DQ	9.20	8.70	8.00	5.20	5.90	7.60	7.60	7.10	8.90	7.40	6.60	7.5
21	19034679	Võ Thị Tuyết	Trinh	Nữ	21/02/2001	DH19DQ	7.30	6.30	7.40	7.00	7.20	8.10	6.50	6.70	6.50	7.80	7.30	7.1
22	19034099	Nguyễn Hoàng	Đô	Nam	18/02/2001	DH19KS1	7.10	8.30	6.40	7.00	6.70	8.20	7.20	6.50	8.40	7.10	8.20	7.4
23	18033358	Nguyễn Vũ	Hải	Nam	31/08/2000	DH19KS1	9.70	8.90	8.30	7.30	9.30	9.20	8.40	8.80	9.00	8.50	8.50	8.7
24	19034211	Mai Nguyễn Thái	Lâm	Nam	15/01/2001	DH19KS1	9.70	7.30	9.70	7.70	9.20	8.30	8.30	9.10	9.50	8.80	8.80	8.8
25	19034372	Lê Thị Kim	Ngân	Nữ	06/01/2001	DH19KS1	7.60	7.30	8.10	7.60	7.50	7.70	6.60	5.40	8.50	6.90	7.00	7.3
26	19034302	Nguyễn Hữu	Nghĩa	Nam	09/09/2001	DH19KS1	8.70	8.00	9.40	7.50	6.80	8.20	7.90	7.60	8.20	6.10	7.80	7.8
27	19034127	Nguyễn Thị Yên	Nhi	Nữ	26/04/2001	DH19KS1	8.60	7.20	8.40	6.70	6.80	6.80	7.00	6.20	8.00	7.20	6.00	7.2
28	19033881	Nguyễn Hải	Nhu	Nữ	20/12/2001	DH19KS1	7.40	6.40	8.10	8.60	7.70	8.00	6.80	6.60	7.40	6.40	6.90	7.3

STT	Mã Sinh Viên	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tiếng Anh 1A	Tiếng Anh 1B	Tiếng Anh 1C	Tiếng Anh 2A	Tiếng Anh 2B	Tiếng Anh 2C	Tiếng Anh 3A	Tiếng Anh 3B	Tiếng Anh 3C	Tiếng Anh 4A	Tiếng Anh 4B	Điểm Trung bình
29	19034012	Nguyễn Minh Thông	Nam	14/10/2001	DH19KS1	8.40	7.70	9.80	7.60	8.00	8.50	7.50	8.20	9.70	8.40	6.90	8.2
30	19033819	Lê Thị Thanh Thúy	Nữ	25/08/2000	DH19KS1	7.80	7.60	5.80	5.80	6.60	6.70	5.50	6.20	7.30	6.80	6.40	6.6
31	19033817	Võ Thị Thanh Thủy	Nữ	30/04/2001	DH19KS1	7.90	7.40	5.50	5.20	5.40	6.20	5.90	5.30	7.40	6.40	6.60	6.3
32	19033732	Nguyễn Xuân Toàn	Nam	30/10/2001	DH19KS1	8.20	6.90	7.20	6.10	5.60	7.00	5.70	6.20	7.90	5.50	7.90	6.7
33	19034607	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	Nữ	20/11/2001	DH19KS1	9.70	8.30	9.20	8.00	8.00	8.20	8.60	8.30	7.50	7.80	8.30	8.4
34	19034254	Trần Văn Tuấn	Nam	12/06/2001	DH19KS1	8.10	7.30	6.20	7.30	7.50	6.70	7.00	5.60	7.20	8.40	8.30	7.2
35	19034007	Trần Nguyễn Khánh Vy	Nữ	02/11/2000	DH19KS1	8.80	7.20	7.10	5.80	6.40	5.60	7.30	7.60	6.90	6.80	5.00	6.8
36	19034348	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Nữ	14/10/2000	DH19KS2	9.70	8.10	9.50	8.30	8.10	8.00	8.30	7.80	8.70	7.00	7.50	8.3
37	19033663	Nguyễn Công Hữu	Nam	25/12/1997	DH19KS2	9.20	8.10	9.10	8.10	8.20	8.90	7.70	8.10	7.20	7.70	7.20	8.1
38	19033680	Bùi Quỳnh Như	Nữ	07/07/2001	DH19KS2	9.50	8.70	9.80	8.90	8.90	8.60	8.90	8.80	9.00	8.80	7.90	8.9
39	19033956	Hà Văn Quý	Nam	25/06/2000	DH19KS2	8.60	8.10	6.10	6.50	5.50	5.80	6.50	6.10	6.80	5.70	6.20	6.5
40	19034073	Trương Thị Mai Thảo	Nữ	30/03/2001	DH19KS2	9.30	8.70	9.50	9.40	8.00	8.70	7.80	8.80	9.40	7.90	7.40	8.6
41	19034804	Nguyễn Văn Thiện	Nam	09/05/2001	DH19KS2	9.30	9.30	6.20	7.50	7.60	7.50	7.80	7.90	7.20	7.30	6.60	7.7
42	19034102	Đổng Thị Trang	Nữ	30/08/2001	DH19KS2	8.40	8.50	8.90	7.10	8.40	7.10	7.30	6.50	6.30	7.40	5.90	7.4
43	19033909	Huỳnh Thúy Tường Vy	Nữ	16/09/2001	DH19KS2	8.50	8.10	9.00	8.70	8.40	8.60	8.30	8.20	6.90	6.50	6.00	7.9
44	19034776	Trần Ngọc Phi Yến	Nữ	16/01/2001	DH19KS2	8.10	8.30	9.20	8.90	8.40	8.60	7.90	7.70	8.40	7.50	7.90	8.3
45	19033913	Nguyễn Quốc Khánh	Nam	02/09/2001	DH19LH	8.10	6.80	8.50	7.40	7.80	8.20	6.60	8.10	8.90	7.50	8.30	7.8
46	19034080	Nguyễn Hồng Nhiên	Nữ	17/05/2001	DH19LH	6.80	6.70	7.30	6.80	5.50	6.30	6.90	7.30	8.00	7.00	7.00	6.9

Khoa Kinh tế - Luật

47	19034434	Nguyễn Thị Phương Ánh	Nữ	26/09/2001	DH19DN	8.80	8.90	6.20	6.30	6.30	6.70	6.40	5.80	6.40	5.80	6.30	6.7
48	19033884	Trịnh Quốc Bảo	Nam	08/08/1995	DH19DN	9.10	7.00	6.70	8.70	7.90	5.50	6.90	7.20	6.90	8.00	8.40	7.5
49	19033873	Quách Thành Đạt	Nam	03/04/2001	DH19DN	6.70	6.80	5.00	5.20	6.50	5.70	6.70	6.00	6.30	6.30	7.90	6.3
50	19034150	Nguyễn Huy Đức	Nam	17/05/2001	DH19DN	5.80	6.80	7.70	6.60	7.30	6.00	6.60	6.90	7.00	7.10	7.40	6.8
51	19033878	Lê Đỗ Hoàng Huy	Nam	27/11/2000	DH19DN	8.00	7.80	9.40	9.00	8.30	8.00	8.60	7.90	8.80	7.70	7.00	8.2
52	19030005	Nguyễn Đỗ Đình Huy	Nam	31/03/1998	DH19DN	10.00	9.60	8.30	9.30	9.60	8.90	9.20	9.00	7.40	8.60	9.40	9.0
53	19034784	Lê Thị Ngọc Lan	Nữ	07/01/2001	DH19DN	8.80	6.80	6.70	7.60	7.90	8.50	7.10	7.10	7.40	6.80	6.80	7.4
54	19033809	Đỗ Thị Hoài Linh	Nữ	16/09/2001	DH19DN	8.60	7.40	6.00	5.70	5.10	6.40	5.90	6.10	6.10	7.50	8.00	6.6
55	19033736	Trương Looc Lê Minh	Nữ	13/06/2001	DH19DN	8.70	7.60	8.50	7.60	7.30	7.90	6.70	6.20	6.00	6.10	7.40	7.3
56	19034569	Quách Hải Nam	Nam	05/07/2001	DH19DN	8.80	5.70	7.90	6.20	6.90	6.80	7.50	7.40	5.10	7.10	7.30	7.0
57	19033938	Nguyễn Đình Vũ Nhất	Nam	19/08/2001	DH19DN	9.60	9.30	8.30	6.70	7.10	8.40	6.50	8.20	8.10	8.00	8.10	8.0
58	19033754	Nguyễn Lê Ngọc Nhi	Nữ	18/06/2001	DH19DN	9.80	9.60	8.90	9.20	9.60	8.80	8.70	9.00	8.80	8.90	8.70	9.1
59	19034063	Tạ Hàn Ni	Nữ	06/09/2001	DH19DN	8.00	6.50	8.30	5.30	6.30	7.90	6.80	6.30	6.70	6.60	7.70	6.9
60	19033997	Tạ Thanh Phương	Nam	25/03/2001	DH19DN	9.20	7.90	5.50	6.70	5.40	5.80	6.40	6.00	7.70	5.00	5.60	6.5
61	19033684	Tôn Mỹ Phượng	Nữ	07/10/2001	DH19DN	9.50	7.70	7.00	8.70	7.60	7.60	8.10	8.60	8.00	7.20	7.10	7.9
62	19034217	Hà Vĩnh Quý	Nam	04/06/2001	DH19DN	8.60	7.40	8.30	7.70	8.00	8.90	8.10	6.60	9.20	6.10	7.50	7.9
63	19034230	Bùi Kim Quỳnh	Nữ	23/05/2001	DH19DN	9.20	8.50	5.20	5.10	7.30	5.10	5.40	7.70	6.60	5.00	6.70	6.5
64	19034573	Nguyễn Thanh Tâm	Nam	27/05/2001	DH19DN	5.40	6.50	7.00	6.60	5.60	6.50	6.70	5.50	6.50	8.00	7.70	6.5

STT	Mã Sinh Viên	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tiếng Anh 1A	Tiếng Anh 1B	Tiếng Anh 1C	Tiếng Anh 2A	Tiếng Anh 2B	Tiếng Anh 2C	Tiếng Anh 3A	Tiếng Anh 3B	Tiếng Anh 3C	Tiếng Anh 4A	Tiếng Anh 4B	Điểm Trung bình
65	19034633	Nguyễn Thị Phương Thanh	Nữ	07/06/2001	DH19DN	9.50	6.10	9.10	7.70	7.30	9.20	7.90	6.50	9.40	7.60	8.10	8.0
66	19034117	Huỳnh Thị Minh Thi	Nữ	23/11/2001	DH19DN	8.30	7.80	7.50	5.60	5.90	8.00	6.10	6.20	6.30	6.90	5.60	6.7
67	19034076	Phan Thị Thu Thu	Nữ	02/09/2001	DH19DN	7.70	8.00	5.40	5.10	5.40	6.80	6.20	6.10	6.60	6.00	6.40	6.3
68	19034567	Lê Thị Trang	Nữ	10/07/2001	DH19DN	8.90	7.90	8.50	6.80	6.00	8.00	6.70	5.70	8.70	7.40	6.90	7.4
69	19034485	Phạm Thị Trang	Nữ	19/08/2001	DH19DN	8.80	8.00	6.30	5.80	5.50	8.00	6.70	7.20	8.10	7.60	6.50	7.1
70	19033998	Trần Thanh Tuấn	Nam	26/07/2001	DH19DN	8.40	8.00	6.10	6.70	6.50	7.70	6.80	7.20	8.10	6.70	6.80	7.2
71	18032980	Trần Phương Uyên	Nữ	31/10/2000	DH19DN	9.10	7.80	8.00	6.40	7.30	8.50	7.00	7.40	8.60	6.70	7.50	7.7
72	19033854	Phạm Anh Vũ	Nam	15/11/2000	DH19DN	8.60	5.10	7.80	6.40	6.80	7.50	6.30	6.30	8.40	5.80	6.70	6.9
73	18033357	Lại Vũ Vân An	Nữ	28/07/2000	DH19QS	9.90	9.70	9.20	9.90	9.60	9.40	9.60	9.00	8.60	9.40	9.80	9.5
74	19034189	Bùi Thị Mỹ Dung	Nữ	30/01/2001	DH19QS	9.40	9.20	8.00	8.90	8.80	8.40	8.40	7.70	5.10	7.70	7.80	8.1
75	18033437	Phan Thị Thu Hà	Nữ	20/10/2000	DH19QS	6.50	7.00	6.40	8.80	6.90	9.10	8.90	8.30	8.50	7.90	8.60	7.9
76	19033826	Lê Thị Mỹ Linh	Nữ	03/06/2001	DH19QS	8.50	8.40	8.30	7.30	8.10	9.00	9.40	8.40	8.00	7.10	7.60	8.2
77	19034687	Vũ Thị Yến Linh	Nữ	10/04/2001	DH19QS	9.20	7.10	8.60	8.00	8.90	8.40	7.30	7.30	8.30	8.50	6.10	8.0
78	19034446	Nguyễn Thị Ngọc Loan	Nữ	01/02/2001	DH19QS	7.60	5.00	8.10	6.40	6.70	8.10	7.10	7.00	7.30	6.60	5.80	6.9
79	19034794	Trần Thanh Tuấn	Nam	12/03/2001	DH19QS	8.50	8.10	9.10	6.20	8.40	7.80	5.80	5.00	7.60	5.20	5.80	7.0
80	19034550	Phạm Đức Đạt	Nam	28/03/2001	DH19TN	9.70	8.80	8.70	8.40	8.90	9.00	8.50	8.20	7.90	8.20	9.10	8.7
81	19034483	Nguyễn Đức Duy	Nam	01/08/2001	DH19TN	7.90	5.60	6.80	6.30	6.00	7.90	5.80	6.20	5.40	5.20	6.80	6.4
82	19034682	Ngô Nhật Minh	Nam	05/07/2001	DH19TN	7.80	6.40	8.60	5.90	6.40	6.30	5.20	6.10	6.40	6.90	6.50	6.6
83	19034623	Ngô Thị Đỗ Quyên	Nữ	01/09/2001	DH19TN	9.10	7.80	7.30	5.80	6.90	6.70	7.60	5.90	8.30	6.90	8.60	7.4
84	19033672	Cao Thanh Tín	Nam	24/11/1996	DH19TN	8.00	6.30	6.80	5.60	5.90	5.60	6.80	7.00	6.90	6.50	7.30	6.6

Khoa Kinh tế biển - Logistics

85	19034181	Lê Trần Phương Anh	Nữ	28/05/2001	DH19LG1	9.00	8.40	7.10	7.10	7.60	7.00	8.30	7.70	8.10	7.80	7.10	7.7
86	19033814	Nguyễn Phương Anh	Nữ	24/10/2001	DH19LG1	9.80	9.20	7.50	8.60	8.40	9.40	7.20	7.80	7.10	7.80	8.50	8.3
87	19034221	Tôn Thị Kim Anh	Nữ	01/08/2001	DH19LG1	7.90	7.30	7.40	5.10	6.20	5.70	6.70	7.00	7.60	6.20	7.90	6.8
88	19034258	Hoàng Trọng Bảo	Nam	24/11/1999	DH19LG1	9.20	7.90	9.40	8.70	8.30	8.30	8.20	7.90	9.50	6.80	7.30	8.3
89	19033903	Lê Vinh Hoài Bình	Nam	15/07/2001	DH19LG1	9.40	7.40	8.40	7.30	8.00	8.90	8.40	8.60	7.90	7.10	8.10	8.1
90	19034464	Huỳnh Thị Bội Bội	Nữ	16/11/2001	DH19LG1	9.90	7.80	5.80	7.20	7.30	6.70	7.60	5.60	7.60	6.60	8.10	7.3
91	19034298	Huỳnh Vương Quốc Cường	Nam	16/01/2001	DH19LG1	8.20	7.90	6.90	7.90	7.00	5.20	7.20	8.10	7.10	5.60	6.40	7.0
92	19034184	Tô Cao Cường	Nam	02/10/2001	DH19LG1	7.30	6.70	8.10	6.40	5.90	7.30	7.70	6.90	8.20	7.20	6.50	7.1
93	19034449	Bùi Đức Dũng	Nam	18/09/1997	DH19LG1	9.20	8.80	8.80	9.30	9.20	9.00	9.10	8.80	9.40	8.00	8.60	8.9
94	19034450	Nguyễn Phạm Nam Dương	Nam	27/02/1997	DH19LG1	8.40	8.90	8.00	6.90	6.80	8.50	6.80	7.20	7.30	6.50	8.00	7.6
95	19033690	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	08/04/2001	DH19LG1	8.70	7.60	6.60	7.00	7.00	8.20	7.50	5.60	7.80	5.80	8.70	7.3
96	19033740	Hoàng Việt Hà	Nữ	04/05/2001	DH19LG1	9.80	9.20	8.80	9.10	9.30	8.90	9.40	9.20	8.80	8.30	9.10	9.1
97	19034136	Ngô Kim Hào	Nữ	13/12/2001	DH19LG1	8.60	8.30	7.20	6.80	6.80	6.90	6.50	7.10	6.30	6.10	7.00	7.1
98	19034185	Đỗ Trung Hiếu	Nam	12/05/2001	DH19LG1	8.20	7.20	8.80	5.90	7.20	8.80	7.60	7.60	9.60	8.50	8.10	8.0
99	19034086	Nguyễn Quỳnh Hương	Nữ	08/02/2001	DH19LG1	8.80	9.10	6.70	5.50	7.00	6.80	6.80	6.90	8.80	7.20	8.20	7.4
100	19033863	Nguyễn Thị Kim Hương	Nữ	05/02/2001	DH19LG1	9.30	8.70	5.60	7.40	7.20	6.10	6.60	6.40	7.30	6.70	8.20	7.2

STT	Mã Sinh Viên	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tiếng Anh 1A	Tiếng Anh 1B	Tiếng Anh 1C	Tiếng Anh 2A	Tiếng Anh 2B	Tiếng Anh 2C	Tiếng Anh 3A	Tiếng Anh 3B	Tiếng Anh 3C	Tiếng Anh 4A	Tiếng Anh 4B	Điểm Trung bình
101	19034555	Nguyễn Hoàng Huy	Nam	27/12/2000	DH19LG1	9.20	8.30	8.10	6.60	5.00	8.30	6.90	5.80	5.50	7.30	6.80	7.1
102	19033986	Châu Nguyễn Minh Huyền	Nữ	01/07/2000	DH19LG1	9.10	9.60	7.90	7.50	6.80	8.90	7.00	7.90	7.30	6.90	7.10	7.8
103	19033967	Phạm Quốc Khánh	Nam	02/09/2001	DH19LG1	5.90	6.00	8.40	6.00	7.40	8.30	7.00	6.10	8.00	6.70	7.40	7.0
104	19034128	Huỳnh Thị Trúc	Nữ	29/04/2000	DH19LG1	7.90	7.60	7.40	5.80	6.50	6.10	7.50	8.00	5.30	6.70	5.30	6.7
105	19033843	Lê Thị	Nữ	25/07/2001	DH19LG1	8.70	6.60	7.10	6.80	6.00	7.60	7.40	7.20	8.50	6.60	7.30	7.3
106	19034813	Nguyễn Khánh	Nữ	14/12/2000	DH19LG1	7.70	6.00	7.10	8.10	6.60	7.80	6.10	7.70	5.70	8.00	7.40	7.1
107	19034521	Nguyễn Thị Tú	Nữ	30/04/2001	DH19LG1	9.40	7.70	6.50	6.20	5.70	7.40	7.50	7.90	6.90	7.90	8.70	7.4
108	19034376	Nguyễn Thị	Nữ	08/01/2001	DH19LG1	8.20	5.60	7.90	5.50	6.90	9.30	6.20	5.90	9.00	6.70	7.60	7.2
109	19034477	Ngô Duy	Nam	16/11/1997	DH19LG1	9.90	8.50	9.10	7.60	8.00	8.40	8.50	8.00	9.10	7.40	6.80	8.3
110	19034158	Đặng Thanh	Nữ	14/03/2001	DH19LG1	8.90	7.90	8.40	5.70	7.80	5.90	7.50	7.80	6.90	6.70	7.30	7.3
111	19034231	Lê Thị Quỳnh	Nữ	04/03/2001	DH19LG1	9.60	8.60	9.30	8.30	8.40	8.60	8.00	8.30	8.90	8.00	8.00	8.5
112	19034370	Nguyễn Tâm	Nữ	11/07/2001	DH19LG1	7.70	6.60	8.40	7.60	6.90	7.40	7.20	7.50	6.90	6.00	7.50	7.2
113	19034215	Nguyễn Thị Minh	Nữ	21/10/2001	DH19LG1	9.50	8.70	8.40	7.10	7.10	8.00	6.90	7.30	9.00	6.80	7.90	7.9
114	19030016	Phạm Thị Huỳnh	Nữ	24/04/1998	DH19LG1	7.60	7.40	6.60	5.00	6.20	5.90	5.30	5.20	5.00	5.40	7.80	6.1
115	19034350	Triệu Quỳnh	Nữ	01/10/2001	DH19LG1	8.90	6.70	7.60	9.00	8.80	7.70	8.50	8.00	8.20	6.70	8.30	8.0
116	19034528	Phạm Thanh	Nam	05/07/2000	DH19LG1	9.60	8.20	9.30	8.30	8.80	8.80	7.20	8.30	9.20	8.40	7.50	8.5
117	19033773	Trần Hồng	Nữ	16/12/2001	DH19LG1	8.60	7.00	6.30	6.10	5.50	5.10	8.10	8.60	7.60	6.40	8.20	7.0
118	19034236	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	09/10/2001	DH19LG1	9.50	7.80	8.10	6.60	8.00	7.30	7.00	7.30	8.00	8.10	7.80	7.8
119	19034070	Đỗ Minh	Nam	14/07/2001	DH19LG1	7.70	7.20	9.00	7.50	6.80	7.70	5.80	5.00	7.40	5.40	5.50	6.8
120	19034539	Trương Minh	Nam	01/01/2001	DH19LG1	8.70	8.50	8.10	8.30	8.40	7.80	7.70	8.90	9.40	8.60	8.60	8.5
121	19033960	Phạm Bảo	Nữ	11/09/2001	DH19LG1	9.50	8.30	7.90	8.00	7.80	8.90	6.90	8.30	8.80	8.20	8.40	8.3
122	19033786	Nguyễn Nhật	Nam	27/08/2000	DH19LG1	9.10	8.40	5.70	6.80	5.60	7.80	6.90	7.50	6.50	6.80	6.50	7.1
123	19034456	Phan Võ Quang	Nam	28/09/2001	DH19LG1	8.30	8.00	7.30	6.20	6.10	8.20	7.50	6.90	6.90	6.40	8.00	7.3
124	19034011	Nguyễn Huỳnh Anh	Nam	08/09/1996	DH19LG1	10.00	9.80	8.80	8.80	9.10	7.10	9.00	8.90	7.70	8.30	9.20	8.8
125	19034036	Lê Cẩm	Nữ	16/12/2001	DH19LG1	10.00	9.10	9.30	8.90	9.60	9.60	8.40	9.10	9.70	8.40	8.80	9.2
126	19033815	Lê Hoàng Tố	Nữ	10/06/2001	DH19LG1	9.40	9.00	9.00	9.30	9.40	9.40	8.30	8.50	9.40	8.50	8.80	9.0
127	19034031	Đinh Nguyễn Tường	Nữ	21/05/2001	DH19LG1	9.50	8.50	9.30	8.30	7.90	9.10	8.80	8.70	8.80	8.40	8.70	8.7
128	19034524	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	01/01/2001	DH19LG1	9.40	9.40	7.40	8.70	8.50	8.40	8.00	8.80	7.80	8.40	8.00	8.4
129	19034626	Đỗ Thế	Nam	30/05/1997	DH19LG2	8.40	8.00	7.60	8.10	8.90	8.00	8.80	8.40	8.00	6.60	7.90	8.1
130	19034543	Hà Thị Ngọc	Nữ	08/08/2000	DH19LG2	9.50	7.20	6.70	5.50	6.20	6.40	6.60	7.50	8.60	7.10	8.50	7.3
131	19034542	Nguyễn Quang	Nam	11/10/2001	DH19LG2	9.90	8.80	7.80	6.90	8.00	8.60	8.80	7.90	8.20	7.70	9.20	8.3
132	19034704	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	28/03/2001	DH19LG2	9.80	9.20	8.80	9.00	9.20	8.80	8.40	8.10	8.20	9.10	8.80	8.9
133	19034549	Đặng Thị	Nữ	20/02/1999	DH19LG2	9.00	8.20	8.00	7.50	8.50	8.00	8.90	8.60	8.50	8.50	9.10	8.4
134	19034604	Nguyễn Thanh	Nữ	07/02/2001	DH19LG2	10.00	9.80	9.60	9.50	9.30	9.70	9.00	9.10	8.80	9.40	9.40	9.4
135	19034565	Nguyễn Thị Thuý	Nữ	14/08/2001	DH19LG2	7.50	6.50	5.30	5.10	5.30	7.60	6.90	5.70	6.80	5.00	7.40	6.3
136	19034750	Trần Thị Bạch	Nữ	18/08/1993	DH19LG2	8.00	8.70	7.90	7.50	7.50	9.20	6.70	8.60	7.60	7.40	7.70	7.9
137	19034708	Hoàng Gia	Nam	16/12/2001	DH19LG2	9.80	9.30	9.10	9.20	9.30	9.40	8.20	9.30	9.00	8.30	9.60	9.1

STT	Mã Sinh Viên	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tiếng Anh 1A	Tiếng Anh 1B	Tiếng Anh 1C	Tiếng Anh 2A	Tiếng Anh 2B	Tiếng Anh 2C	Tiếng Anh 3A	Tiếng Anh 3B	Tiếng Anh 3C	Tiếng Anh 4A	Tiếng Anh 4B	Điểm Trung bình
138	19034823	Phan Bảo Huy	Nam	15/01/2001	DH19LG2	9.40	9.30	9.00	9.60	9.70	9.80	9.50	9.20	9.40	8.80	9.20	9.4
139	19034579	Bùi Thị Lựa	Nữ	15/09/2001	DH19LG2	7.90	8.00	7.00	7.00	7.50	6.30	6.80	6.90	6.80	6.70	5.30	6.9
140	19034659	Nguyễn Thị Luyện	Nữ	25/07/2001	DH19LG2	8.40	7.60	5.90	7.50	7.40	8.50	7.50	7.50	7.70	7.60	7.50	7.6
141	19034652	Phạm Thị Ngọc Mỹ	Nữ	01/06/2001	DH19LG2	9.80	7.90	7.00	7.90	7.50	5.50	8.30	7.00	6.90	7.70	9.00	7.7
142	19034620	Hoàng Thị Minh Ngọc	Nữ	25/06/2001	DH19LG2	9.80	8.70	8.80	8.70	8.80	9.70	8.70	8.60	8.80	8.50	9.00	8.9
143	19034432	Nguyễn Thị Tuyết Ngọc	Nữ	25/07/2001	DH19LG2	9.50	5.90	7.00	7.50	7.10	6.70	6.90	7.40	7.20	7.90	8.50	7.4
144	19034572	Đào Nguyễn Đức Tài	Nam	06/04/2000	DH19LG2	8.40	5.10	8.40	7.90	7.70	8.60	8.10	7.50	8.30	7.50	7.70	7.7
145	19033968	Nguyễn Lê Thanh Thanh	Nữ	21/05/2001	DH19LG2	6.20	5.20	7.60	5.40	6.70	6.30	7.40	7.20	6.60	7.30	7.20	6.6
146	19033835	Lê Bích Thùy	Nữ	17/10/2001	DH19LG2	8.50	7.10	9.10	7.80	8.30	8.60	7.30	9.10	7.60	7.90	8.30	8.1
147	19034595	Trịnh Thị Tuyết Trinh	Nữ	18/03/2000	DH19LG2	8.80	7.30	5.50	5.20	8.00	7.50	7.90	6.30	7.30	6.60	8.50	7.2
148	19034445	Hoàng Trần Phương Uyên	Nữ	09/09/2001	DH19LG2	10.00	9.30	8.80	9.00	8.80	9.00	7.10	8.60	8.70	8.60	8.70	8.8
149	19034321	La Gia Bảo	Nam	02/05/2000	DH19QG	6.60	9.00	8.30	9.00	9.40	8.70	9.40	9.10	6.10	8.50	8.80	8.4
150	19034625	Đàm Trung Đức	Nam	20/05/2000	DH19QG	8.30	7.80	6.80	6.00	6.70	8.20	7.70	8.30	7.10	6.80	6.00	7.2
151	19033916	Phạm Minh Đức Dương	Nam	11/08/2001	DH19QG	7.50	7.20	6.20	7.00	5.80	6.20	8.80	8.60	9.00	8.30	8.00	7.5
152	19033848	Trần Tuấn Hải	Nam	12/10/2001	DH19QG	8.90	7.70	6.50	7.70	6.50	6.20	7.40	7.70	5.10	5.20	8.30	7.0
153	19034226	Trần Công Hậu	Nam	15/10/2000	DH19QG	8.70	7.70	7.60	6.80	5.30	8.20	8.30	7.20	7.10	6.20	6.00	7.2
154	19034618	Đường Khánh Hiếu	Nữ	13/07/2001	DH19QG	7.30	6.70	5.80	6.40	5.00	6.60	8.20	7.60	8.00	8.00	7.60	7.0
155	19034492	Đặng Quỳnh Hoa	Nữ	01/09/2001	DH19QG	8.10	8.00	6.00	5.80	5.90	7.90	6.90	5.70	7.80	7.00	6.10	6.8
156	19033725	Đỗ Thị Thu Hoài	Nữ	29/03/2001	DH19QG	8.00	8.40	7.80	5.60	6.00	6.70	6.10	5.50	5.50	7.30	7.60	6.8
157	19034017	Phạm Quốc Hùng	Nam	21/09/2001	DH19QG	9.50	8.90	7.50	8.90	8.10	7.10	7.80	8.10	8.20	7.90	8.80	8.3
158	19034668	Nguyễn Thị Bích Huyền	Nữ	27/08/1996	DH19QG	6.70	7.00	8.70	7.50	6.80	8.40	6.90	7.40	9.10	6.80	7.90	7.6
159	19033982	Trương Ngọc Mai	Nữ	25/04/2001	DH19QG	8.80	6.90	8.40	8.50	8.50	8.50	8.90	7.70	7.30	8.10	6.90	8.0
160	19034532	Nguyễn Hoài Bích Ngân	Nữ	28/02/2001	DH19QG	8.60	7.80	7.20	6.30	6.10	8.40	7.00	7.50	8.10	7.00	8.60	7.5
161	19034369	Bùi Thị Trần Nhi	Nữ	02/05/2001	DH19QG	9.30	7.90	7.50	7.50	7.70	9.00	8.10	7.90	7.80	8.40	8.80	8.2
162	19034290	Võ Thị Hoài Thương	Nữ	24/10/2001	DH19QG	8.80	8.60	7.10	7.90	6.50	7.80	7.10	5.60	6.70	7.90	8.60	7.5
163	19034700	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	Nữ	09/02/2000	DH19QG	9.00	7.10	7.60	6.20	7.20	6.20	6.60	6.80	8.30	7.40	7.50	7.3
164	19034537	Nguyễn Quốc Tuấn	Nam	14/04/2001	DH19QG	8.80	7.60	6.80	8.40	6.80	8.70	8.10	7.50	9.20	7.40	7.70	7.9

Tổng số: 164 thí sinh được cấp chứng nhận.